

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TẶNG THỊ THU TRANG

**QUYỀN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 62 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại:

Học viện khoa học xã hội
Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Tường Duy Kiên

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thị Việt Hương

Phản biện 3: PGS.TS Vũ Công Giao

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Học viện
tại Học viện khoa học xã hội

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

1 MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu về luận án

Trong thực tiễn có nhiều công trình khoa học nói về vấn đề quyền trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (HCĐB), nhưng để phân tích một cách sâu sắc, toàn diện các vấn đề lý luận và đánh giá thực trạng qui định, thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay lại là một vấn đề khá mới mẻ. Luận án tập hợp hóa và phân tích, làm sáng tỏ hơn các vấn đề lý luận về quyền trẻ em, trẻ em có HCĐB. Trên cơ sở đó, phân tích và đề xuất cách nhìn mới, quan điểm mới về quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, luận án khái quát, đánh giá, đưa ra bức tranh tổng thể về thực trạng các qui định của pháp luật và thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có HCĐB. Đánh giá các ưu điểm, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân. Từ đó, xác định các quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay.

2. Lý do chọn đề tài

Việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam được tiến hành bằng nhiều phương tiện, cách thức, hình thức khác nhau như có thể được sử dụng bằng các qui phạm đạo đức, tập quán, tín điều tôn giáo, các qui định, nội qui, qui chế trong các tổ chức, trường học, cộng đồng... đặc biệt có một công cụ được coi là hữu hiệu nhất nhằm ràng buộc quyền và trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia mối quan hệ với trẻ em có HCĐB đó là pháp luật, lúc này việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB không chỉ đơn thuần là các qui định, qui tắc thông thường mà đã được trở thành các qui phạm pháp luật mang tính bắt buộc chung. Vì lẽ đó, Liên Hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn về Quyền trẻ em năm 1959, tiếp đó Đại Hội đồng Liên hợp quốc cũng đã thông qua Công ước về Quyền trẻ em vào ngày 20 tháng 11 năm 1989. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và là nước thứ hai trên thế giới đã phê chuẩn công ước này vào ngày 20 tháng 2 năm 1990. Điều đó thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB trên thực tế.

Tuy nhiên trên thực tế, quyền trẻ em có HCĐB vẫn bị xâm hại nghiêm trọng, việc bảo đảm quyền của các em còn mờ nhạt, chưa đầu tư và quan tâm thích đáng, do vậy, vẫn còn tình trạng trẻ em bị xâm hại, lạm dụng, tình trạng lao

động trẻ em vẫn còn diễn ra, nhiều trẻ em phải lang thang kiếm sống hoặc phạm pháp, khuyết tật... Vì lẽ đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc vấn đề “*Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay*” trên cả phương diện lý luận và thực tiễn mang tính cấp thiết và còn là đòi hỏi thực tiễn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyền trẻ em có HCĐB và thực tiễn pháp luật ghi nhận, bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam. Từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm quyền của các em.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án sẽ tập trung làm sáng tỏ 03 nhiệm vụ cơ bản sau:

- Phân tích một cách có hệ thống cơ sở lý luận về quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam.

- Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là Quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Phạm vi nội dung

Luận án được nghiên cứu dưới góc độ lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật, trên cơ sở đó tập trung nghiên cứu về một số quyền của một số nhóm trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay.

4.2.2. Phạm vi không gian và thời gian

Luận án nghiên cứu các số liệu trong phạm vi cả nước, thời gian 5 năm gần đây (2009-2014).

5. Đóng góp mới về khoa học của đề tài

Điểm mới chủ yếu của đề tài là nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về quyền của trẻ em và trẻ em có HCĐB; phân tích mối quan hệ biện chứng và sự cần thiết khách quan của việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay. Đề

xuất các giải pháp và biện pháp cụ thể trong đó nhấn mạnh đến vai trò của nhà nước, các tổ chức xã hội, thiết chế xã hội (gia đình, trường học...) trong việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa khoa học: luận án là công trình nghiên cứu trực tiếp và toàn diện về quyền trẻ em có HCĐB, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền trẻ em có HCĐB trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau khi hoàn thành, luận án sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, học tập về quyền trẻ em có HCĐB.

Ý nghĩa thực tiễn: luận án là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án là nguồn tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn học tập các môn học về quyền trẻ em, trẻ em có HCĐB trong các nhà trường và cộng đồng. Đồng thời luận án cũng là nguồn tài liệu tham khảo đối với công tác kết hợp giữa các cấp, các ngành, đặc biệt là giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay.

Kết quả luận án có ý nghĩa tham khảo cho việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án có kết cấu 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3. Thực trạng bảo đảm quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay.

Chương 4. Quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU****1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Luận án chia thành 2 phần, gồm tình hình nghiên cứu ở Việt Nam và ở nước ngoài và trong mỗi phần lại chia nhỏ thành 3 nhóm công trình nghiên cứu, đó là nghiên cứu về lý luận, thực trạng và giải pháp.

1.1.1. Tình hình nghiên cứu của đề tài ở Việt Nam

- Nhóm nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền trẻ em có HCĐB như các khái niệm trẻ em, trẻ em có HCĐB, quyền trẻ em và các khái niệm liên quan, phân loại các nhóm quyền trẻ em, phân loại các nhóm trẻ em có HCĐB... được đề cập ở các công trình *Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004*, NXB Chính trị Quốc gia; Trung tâm nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (2009), *Giáo trình Quyền trẻ em*; GS.TS Võ Khánh Vinh, (2011), *Quyền con người*, NXB Khoa học Xã hội; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (2007), *Chính sách và dịch vụ xã hội đối với các nhóm yếu thế*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội; Khoa Phụ nữ học, Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tập I, II*, Ban Xuất bản Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.

Chẳng hạn về khái niệm trẻ em, NCS đã kế thừa khái niệm trẻ em theo các góc độ và các ngành luật để phân tích và đưa vào luận án. Từ đó, NCS có thể xây dựng một khái niệm theo quan điểm của riêng mình về trẻ em đó là: trẻ em là công dân Việt Nam dưới 18 tuổi, còn non nớt về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có đầy đủ các quyền của con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, đồng thời các em cũng có những quyền đặc thù theo lứa tuổi của mình.

Khái niệm trẻ em có HCĐB được đề cập ở một số công trình nghiên cứu, hầu hết phân tích khái niệm dựa vào hoàn cảnh, môi trường sống của các em. NCS đồng quan điểm với cách định nghĩa này và kế thừa nó bằng các luận giải cụ thể trong luận án của mình.

Khái niệm quyền trẻ em, vì trẻ em là một thành viên của xã hội, là công dân đặc biệt của một quốc gia... nên trẻ em cũng được hưởng các quyền giống con người bao gồm các quyền dân sự, chính trị, quyền kinh tế, xã hội và văn hóa... tuy

nhiên, do trẻ em còn non nớt về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên trẻ em có những quyền đặc biệt phù hợp với lứa tuổi của mình, điều này được đề cập rất rõ trong khái niệm trên và được trích dẫn ở các giáo trình, sách tham khảo như: Trung tâm nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (2009), *Giáo trình Quyền trẻ em*; Nguyễn Anh Đức (2012), *Pháp luật bảo đảm quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội... Đây được coi là cơ sở lý luận quan trọng để luận án được kế thừa từ đó sẽ phân tích làm sáng tỏ hơn về quyền trẻ em có HCĐB.

Phân loại các nhóm quyền trẻ em, “*Quyền trẻ em bao gồm quyền sống còn, quyền bảo vệ, quyền phát triển, quyền tham gia hay quyền trẻ em bao gồm quyền bảo vệ, quyền chăm sóc, quyền giáo dục, quyền giải trí, quyền học tập...*” cách phân loại về các quyền của trẻ em nói trên được khẳng định và phân tích dựa trên cơ sở của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó, có một số nghiên cứu đi sâu vào phân tích, đánh giá một quyền nào đó của trẻ em như chỉ nói đến quyền chăm sóc trẻ em, hoặc chỉ nói đến quyền bảo vệ trẻ em, thậm chí có những nghiên cứu lại chỉ nói đến quyền của trẻ em trong một lĩnh vực pháp luật cụ thể như pháp luật quốc tịch, pháp luật hình sự, tổ tụng hình sự, luật lao động, luật bảo hiểm y tế, luật giáo dục, luật dân sự... Chưa có nghiên cứu nào để chỉ ra một cách toàn diện về các quyền của trẻ em dưới góc độ luật học chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Luận án kế thừa hai cách phân loại trên để từ đó phân tích cụ thể các qui định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam có những điểm tương đồng trong việc phân loại quyền trẻ em.

Tóm lại, các nghiên cứu ở phần này được tác giả sưu tầm, nghiên cứu trên các tài liệu, giáo trình, bản tin, luận văn, luận án... giúp tác giả có những hiểu biết sâu sắc hơn và làm nền tảng lý luận cho luận án, từ đó NCS thấy rõ những yêu cầu trong luận án của mình cần kế thừa, cần phát triển và cần phân tích sâu hơn, mang tính thuyết phục hơn đối với các vấn đề lý luận trong chương đầu tiên của luận án làm cơ sở cho việc nghiên cứu ở các chương tiếp theo.

- Nhóm nghiên cứu thực trạng về quyền trẻ em có HCĐB

Về nội dung này trong quá trình nghiên cứu NCS thấy chúng được đề cập khá chi tiết ở nhiều nghiên cứu với các cấp độ và góc độ khác nhau, trên cơ sở đánh giá thực trạng tình hình trẻ em có HCĐB, thực trạng các qui định của pháp luật về việc qui định và thực hiện pháp luật đối với các quyền trẻ em có HCĐB. Chẳng hạn,

trong các cuốn sách, bản tin, tài liệu và luận văn, luận án *Báo cáo chung tổng quan ngành y tế năm 2013, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân* <http://thuvienykhoa.vn>; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (2013), *Phân tích, đánh giá chính sách, pháp luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em có HCĐB*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội; Mai Thị Kim Oanh, *Đề tài thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*, Trung tâm Tâm lý học và Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, http://vnies.edu.vn/detail-thread-view-1-25-272_thuc-trang-giao-duc-ky-nang-song-cho-hoc-sinh-thcs.html; Unicef Việt Nam (2006), *Báo cáo rà soát đánh giá chính sách, pháp luật của Việt Nam về phòng chống lạm dụng, xâm hại trẻ em*; Phan Thị Lan Phương (2015), *Quyền trẻ em trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam-Những đảm bảo pháp lý*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội...

Về thực trạng các quy định của pháp luật và việc thực hiện pháp luật về quyền của trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng cũng được nêu và phân tích ở các bộ luật hay một số luận án, luận văn và các tài liệu khác như: *Bộ luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em; Luật Giáo dục; Luật Người khuyết tật; Luật Phòng, Chống HIV/AIDS...* hoặc tài liệu của Cục Bảo trợ Xã hội - Bộ Lao động Thương binh Xã hội (2009), *Định hướng chính sách và hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt*, NXB Thông tin Truyền thông; Nguyễn Hải Hữu (2012), *Một số văn bản về Chăm sóc, Giáo dục và Bảo vệ trẻ em trong tình hình mới*, Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em; ...

Như vậy, có thể thấy rằng những đánh giá trong các tài liệu trên hoàn toàn phù hợp với thực tiễn hiện nay về việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB, tuy nhiên các tài liệu trên chưa đưa ra những đánh giá về tình trạng trẻ em có HCĐB theo xu hướng càng ngày càng gia tăng đối với một số nhóm và một số nhóm lại có xu hướng giảm, hơn nữa, chưa đánh giá về thực trạng ban hành, thực thi những chính sách, pháp luật mới trong việc chăm sóc, trợ giúp trẻ em có HCĐB. Luận án được kế thừa phần nào về những đánh giá trên, từ đó phân tích sâu hơn, mang tính thuyết phục hơn và làm rõ hơn về những chính sách, pháp luật trong giai đoạn hiện nay có liên quan đến hoạt động chăm sóc và trợ giúp trẻ em có HCĐB. Nhất là sẽ đánh giá về thực trạng chính sách hỗ trợ cho từng nhóm trẻ em có HCĐB đang được chăm sóc tại cộng đồng.

- Nhóm nghiên cứu về quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay.

Giải pháp hoàn thiện pháp luật về Quyền của trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng bao gồm những nội dung như “*cần thay đổi tên Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em thành Luật Quyền trẻ em, cần nâng độ tuổi trẻ em từ 16 lên 18 và cần có sự thống nhất về độ tuổi ở các ngành luật: luật Lao động, luật Dân sự, luật Hình sự*” ... được đề cập trong cuốn sách của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2013), *Phân tích, đánh giá chính sách, pháp luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em có HCĐB*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội [8, tr.48] hay cuốn *Chính sách và dịch vụ xã hội đối với các nhóm yếu thế*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội [6, tr.73]...

Bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách các nghiên cứu trên còn phân tích về sự cần thiết trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền trẻ em; kiện toàn hệ thống thực thi quyền trẻ em trong đó quan tâm đến sự phối hợp liên ngành trong việc bảo đảm các quyền của trẻ em, trong đó Bộ Tư pháp, Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội có trách nhiệm bảo đảm quyền bảo vệ của trẻ em, Bộ Y tế bảo đảm quyền chăm sóc của trẻ em và Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm quyền giáo dục trẻ em; Cần có sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em; Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm việc trong lĩnh vực trẻ em.

Như vậy, ở các nghiên cứu trên đã đề ra hàng loạt các giải pháp khác nhau về việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng, trên cơ sở đó, luận án sẽ kế thừa và tiếp tục đề xuất các giải pháp mà các nghiên cứu đưa ra trên cơ sở bổ sung, phân tích và có những luận giải mang tính thuyết phục hơn nữa về các giải pháp.

Ngoài những công trình được liệt kê ở cả ba nội dung trên thì còn nhiều công trình nghiên cứu khác ở cả trong nước và quốc tế nghiên cứu trực tiếp hoặc có liên quan đến vấn đề quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. NCS sẽ cố gắng đọc, tìm tòi, học hỏi, tiếp thu và đưa vào luận án nhằm làm sâu sắc hơn những vấn đề nghiên cứu, phục vụ mục tiêu nghiên cứu, NCS cũng sẽ mở xẻ và đi sâu vào ở góc nhìn của luật học theo chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật trong mối quan hệ tổng thể với các ngành luật khác cũng như trong mối quan hệ với các ngành khoa học khác nhằm phục vụ mục tiêu nghiên cứu trong tình hình mới.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu của đề tài ở một số nước trên thế giới

- Nhóm các công trình nghiên cứu về trẻ em, quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB.

Cuốn tài liệu *Children's Rights Under the law* và sách chuyên khảo của nhóm tác giả Ziurina A.I và Indeikina T.L “*Removing brutal treatment of children in the family-Loại bỏ đối xử tàn bạo với trẻ em trong gia đình, 2009*”, nhóm tác giả đã chỉ ra các loại bạo lực phổ biến trong gia đình trong đó có hành vi sao nhãng-không đoái hoài đến trẻ được coi là một loại bạo lực.

The children's rights in the field of education-Các quyền trẻ em trong lĩnh vực giáo dục, 2007, của tác giả Sinkareva E.Yu. Trong công trình này, tác giả đi sâu vào phân tích các quyền đặc thù của những trẻ em đặc thù trong hoạt động giáo dục như: quyền giáo dục của trẻ em hạn chế về năng lực (trẻ em khiếm khuyết) hay quyền của trẻ em ở tuổi mẫu giáo...

- Nhóm các công trình nghiên cứu về thực trạng quyền trẻ em có HCĐB

Công trình nghiên cứu *Children's Rights; Policy and Practice*, tác giả Jean A. Pardeck năm 2012, nội dung cuốn tài liệu nghiên cứu về thực trạng thực hiện quyền trẻ em, thực trạng việc chăm sóc trẻ em tại gia đình, trường học và các cơ sở tư nhân; nghiên cứu những nguyên nhân lạm dụng, xao nhãng đối với trẻ em cũng như cung cấp các yếu tố được coi là gia đình có nguy cơ trẻ em bị xâm hại, lạm dụng.

Child Labor Today-Trẻ em lao động ngày nay: A human Rights Issue, tác giả Wendy Herumin, năm 2012, trình bày khái quát về lao động trẻ em, tình hình trẻ em lao động trên toàn thế giới, mô tả các công việc trẻ em đang bị bắt buộc phải làm và chỉ ra hậu quả mà trẻ em lao động phải gánh chịu.

- Nhóm nghiên cứu về bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB

“*Social work with children*” Marian Brandon, Gillian Schofield, Liz Trinder. Người dịch Nguyễn Thị Nhân “*Công tác xã hội với trẻ em*”. Sách tham khảo, cuốn sách nêu lên các phương pháp làm việc với trẻ em có HCĐB.

Implementing children's right, 2006, Sandy Ruxton, cuốn sách có nội dung về vấn đề thi hành, thực hiện quyền trẻ em kinh nghiệm của quốc tế từ khi có Công ước Quốc tế Quyền trẻ em năm 1989.

Ngoài các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài nêu trên, NCS cũng tìm hiểu thêm thông tin về quyền trẻ em có HCĐB ở một số quốc gia khác qua nguồn thông tin của Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

- Các công trình nghiên cứu về quyền trẻ em ở nước ngoài phần lớn mới chỉ giải quyết được một số nội dung thiên về cơ sở lý luận của các nhóm quyền được sống còn, được bảo vệ, được phát triển và được tham gia. Việc nghiên cứu vấn đề thực tiễn thực hiện quyền trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng trên bình diện quốc tế hoặc quốc gia ít được quan tâm hơn hoặc chỉ được đề cập lác đác ở các bài viết, các công trình nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu mà NCS tiếp cận được là sẽ là những tư liệu rất quan trọng, trực tiếp giúp NCS giải quyết được các nhiệm vụ về lý luận quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB mà luận án cần phải làm sáng tỏ.

- Những công trình nghiên cứu về quyền trẻ em và quyền trẻ em có HCĐB ở trong nước đa phần cũng là những nghiên cứu một cách chung chung lồng ghép là một nội dung nghiên cứu về quyền trẻ em trong các nhóm quyền sống còn, bảo vệ, phát triển và tham gia của trẻ em, có rất ít tư liệu nghiên cứu về quyền trẻ em có HCĐB; phần lớn các tư liệu là công trình, bài viết về thực tiễn tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục đối với trẻ em và trẻ em có HCĐB chứ không phải nghiên cứu dưới góc độ vấn đề lý luận về quyền, cơ chế bảo đảm quyền, vấn đề thụ hưởng quyền và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền...

Trên cơ sở tham khảo các tư liệu mà luận án thu thập được, kết hợp với việc giảng dạy, tập huấn, viết giáo trình và tổ chức khảo sát thực tế tại các tỉnh, thành nơi tập trung đông trẻ em có HCĐB, NCS sẽ có được những hiểu biết về thực tiễn việc thụ hưởng quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam cũng như tác động của những cơ chế pháp lý về ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

1.1.4. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc kết quả các công trình đã nghiên cứu, luận án cần tiếp tục nghiên cứu các nội dung sau:

- *Thứ nhất*, mở rộng thêm, phân tích và làm rõ các khái niệm về trẻ em, trẻ em có HCĐB và phân loại quyền trẻ em cũng như phân loại các nhóm trẻ em có HCĐB.

- *Thứ hai*, tiếp tục phân tích, đánh giá thực trạng các qui định và việc thực hiện các qui định của pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em có HCĐB trên cơ sở các văn bản qui phạm pháp luật khác nhau.

- *Thứ ba*, tiếp tục đề xuất và luận chứng các quan điểm và giải pháp có tính khả thi nhằm bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

1.2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở học thuyết chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta; về vấn đề bảo vệ các quyền trẻ em và quyền trẻ em có HCĐB.

Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra, trên cơ sở tình hình nghiên cứu đề tài, luận án đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu trọng tâm sau:

Thứ nhất, Ở nước ta hiện nay, quyền trẻ em có HCĐB được pháp luật quy định đã đầy đủ chưa? mức độ đầy đủ như thế nào?

Thứ hai, Thực tiễn thực hiện quyền trẻ em có HCĐB ra sao? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền trẻ em có HCĐB?

Thứ ba, Những giải pháp nào để bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB được thực thi hiệu quả trong điều kiện nước ta hiện nay?

Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở nền tảng các nghiên cứu về quyền trẻ em, trẻ em có HCĐB. NCS bước đầu xác định các giả thuyết nghiên cứu cho luận án như sau:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB được quy định tản mạn trong Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, việc qui định chưa có tính hệ thống, đã, đang bộc lộ những hạn chế và bất cập khi áp dụng với điều kiện kinh tế - xã hội trong nước, đồng thời cũng không tương thích với các cam kết quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia và ký kết.

Thứ hai, việc thực thi các quyền trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa, tập quán, ... nên trẻ em có HCĐB khó có cơ hội thực hiện các quyền của mình hơn so với những trẻ em bình thường khác.

Thứ ba, để quyền trẻ em có HCĐB được thực thi hiệu quả trong điều kiện nước ta hiện nay phụ thuộc vào điều kiện kinh tế-xã hội, cơ chế, chính sách và pháp luật, các thiết chế xã hội... đặc biệt, muốn bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam thì cần phải có giải pháp mang tính toàn diện từ chủ trương, chính sách cho đến cơ chế pháp lý ghi nhận việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam.

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phương pháp luận, trong quá trình nghiên cứu, NCS còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể khác nhau như: Phương pháp thu thập tài liệu và số liệu; Phương pháp logic – lịch sử; Phương pháp phân tích – tổng hợp; Phương pháp thống kê; Phương pháp so sánh; Phương pháp xử lý thông tin, số liệu. Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng lồng ghép và nhiều phương pháp khác như: phương pháp chuyên gia; phương pháp quan sát; phương pháp phỏng vấn sâu; phương pháp thực nghiệm...

1.3. Hướng tiếp cận của đề tài

Luận án kế thừa (có chọn lọc, phân tích và bình luận) các kết quả nghiên cứu đã được công bố trước đề tài này trên cơ sở tập hợp, hệ thống ở mức đầy đủ nhất có thể đối với các công trình khoa học có liên quan đến quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở rút ra những đặc điểm chung về quyền trẻ em có HCĐB, trên cơ sở tập hợp và tổng hợp kinh nghiệm của các nước, luận án sẽ đưa ra những giải pháp nhằm tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm phù hợp của các nước góp phần hoàn thiện vào việc bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB ở nước ta.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài, NCS đã đề cập những nét cơ bản của việc nghiên cứu đề tài ở trong và ngoài nước dưới góc độ thống kê một cách tương đối số lượng các công trình nghiên cứu sau đó đánh giá theo nội dung đề cập trong đề cương nghiên cứu.

Về tình hình nghiên cứu ở nước ngoài, NCS đã đề cập đến các vấn đề cơ sở lý luận, thực trạng và các giải pháp bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở một số quốc gia khác nhau như Liên bang Nga, Australia, Thụy Điển vv... Hầu hết các tác giả đều luận giải vấn đề về quyền trẻ em, trẻ em có HCĐB, bên cạnh đó là trách nhiệm của các cơ quan tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quyền trẻ em có HCĐB.

Về tình hình nghiên cứu ở trong nước, NCS nghiên cứu theo ba hướng cơ bản là phân tích các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận, thực trạng và các giải pháp ở nhiều công trình chuyên khảo, các bài tạp chí khoa học chuyên ngành, bài tạp chí trong nước nghiên cứu về quyền trẻ em, các luận văn, luận án... mỗi tài liệu tiếp cận quyền trẻ em có HCĐB ở những góc độ khác nhau.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

2.1.1. Khái niệm trẻ em

Điều 1, Công ước về Quyền trẻ em năm 1989 đã ghi nhận “*Trẻ em là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn*”.

Điều 1, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 1991, sửa đổi, bổ sung năm 2004 quy định “*Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi*”.

Khái niệm trẻ em theo quan điểm NCS: *trẻ em là công dân Việt Nam dưới 18 tuổi, còn non nớt về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có đầy đủ các quyền của con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, đồng thời các em cũng có những quyền đặc thù theo lứa tuổi của mình.*

2.1.2. Khái niệm và phân loại trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

2.1.2.1. Khái niệm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Theo Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004, *trẻ em có HCĐB là khái niệm dùng để chỉ những trẻ em có hoàn cảnh không bình thường về thể chất hoặc tinh thần, không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hòa nhập với gia đình, cộng đồng* [47, tr.3].

2.1.2.2. Phân loại trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Điều 40, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 qui định về các nhóm trẻ em có HCĐB đó là: trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật [20, tr.12].

2.2. Quyền trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

2.2.1. Khái niệm quyền

Quyền là những đòi hỏi cơ bản và chính đáng của một con người đáng được hưởng hoặc có thể được làm.

2.2.2. Khái niệm quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB

Quyền trẻ em đó là tất cả những gì cần có để trẻ em được sống và phát triển một cách toàn diện, lành mạnh và an toàn.

Quyền trẻ em có HCĐB là tất cả những gì mà các em cần có để sống và phát triển an toàn, lành mạnh.

2.2.3. Phân loại quyền trẻ em

a) Phân loại quyền trẻ em theo công ước quốc tế về quyền trẻ em

Bao gồm: Quyền sống còn (điều 6); quyền được có họ tên và có quốc tịch (điều 7); quyền được giữ gìn bản sắc (điều 8); quyền không bị cách ly khỏi cha mẹ (điều 9); quyền được tự do phát biểu, tự do bày tỏ ý kiến (điều 12 và 13), quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (điều 14); quyền được tự do kết giao và hội họp hòa bình (điều 15); quyền được tiếp cận thông tin (điều 17); quyền được bảo vệ và chăm sóc (điều 18); quyền được chăm sóc sức khỏe (điều 24); quyền được học hành (điều 28); quyền được giải trí (điều 31); quyền được bảo vệ chống lại sự lạm dụng tình dục (điều 34)... Trên cơ sở của các quyền trên, có thể gộp lại thành các nhóm quyền cơ bản của trẻ em là: Quyền sống còn; quyền được phát triển, quyền được bảo vệ, quyền được tham gia và một số biện pháp bảo vệ dành cho trẻ em có HCĐB.

b) Phân loại quyền trẻ em theo pháp luật Việt Nam

Bao gồm các quyền như sau: *Quyền được khai sinh và có quốc tịch; Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; Quyền sống chung với cha mẹ; Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; Quyền được chăm sóc sức khỏe; Quyền được học tập; Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch; Quyền được phát triển năng khiếu; Quyền có tài sản; Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội.*

2.3. Pháp luật quốc gia về quyền trẻ em có HCĐB

2.3.1. Khái niệm pháp luật quốc gia về quyền trẻ em

Pháp luật quốc gia về quyền trẻ em có HCĐB là tổng thể những quy định pháp luật do nhà nước ban hành trên cơ sở khách quan của đời sống xã hội, được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp của nhà nước và xã hội, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến trẻ em có HCĐB.

2.3.2. Một số đặc thù cơ bản của pháp luật quốc gia về quyền trẻ em có HCĐB

Xét về cấu trúc, pháp luật quốc gia về quyền trẻ em có HCĐB có phạm vi rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực quan hệ xã hội, đến nhiều ngành luật khác nhau. Mỗi ngành luật có những đặc thù riêng về việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB khác nhau như: Luật Hiến pháp, Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Giáo dục...

Tiếp đến là sự tác động to lớn của các yếu tố phong tục, tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng đến pháp luật về trẻ em ở nước ta [59,tr.8].

2.4. Pháp luật quốc tế về quyền trẻ em có HCĐB

2.4.1. Những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế về quyền trẻ em có HCĐB

Nguyên tắc được sống và phát triển của trẻ em, trẻ em có HCĐB, nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với trẻ em và trẻ em có HCĐB, nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và trẻ em có HCĐB, nguyên tắc về sự tham gia của trẻ em và trẻ em có HCĐB, nguyên tắc trẻ em có HCĐB đều được giúp đỡ để hòa nhập với gia đình, cộng đồng.

2.4.2. Quy định về quyền trẻ em có HCĐB trong Công ước của Liên Hợp quốc quyền trẻ em

Công ước không chỉ đề cập đến quyền trẻ em nói chung mà còn đề cập đến quyền của nhóm trẻ em có HCĐB như trẻ em khuyết tật, trẻ em mất môi trường gia đình, trẻ em mại dâm, trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em bị bóc lột...

Công ước không chia tách các quyền trẻ em theo các khía cạnh dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa mà gắn kết các khía cạnh này với nhau, hướng vào bốn lĩnh vực đó là: bảo đảm sự sống còn của trẻ em; bảo vệ trẻ em trước những hoàn cảnh, yếu tố bất lợi hoặc có thể bị xâm hại; bảo đảm cho trẻ em có thể phát triển một cách toàn diện về mọi mặt và bảo đảm cho trẻ em có thể biểu đạt ý kiến, quan điểm về những vấn đề liên quan đến trẻ em.

2.5. Bảo đảm thực hiện quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay

2.5.1. Các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền trẻ em có HCĐB

2.5.1.1. Bảo đảm bằng pháp lý về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Bảo đảm pháp lý về quyền trẻ em có HCĐB chính là nói đến hệ thống pháp luật về trẻ em có HCĐB đầy đủ, hoàn thiện là cơ sở để nhà nước, tổ chức, các cơ quan nhà nước và công dân thực hiện quyền và trách nhiệm của mình đối với trẻ em có HCĐB [68, tr.36].

2.5.1.2. Bảo đảm bằng chính trị về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Quyền và bổn phận của trẻ em được bảo đảm bằng thể chế chính trị, bằng sự ổn định chính trị, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

2.5.1.3. Bảo đảm bằng tư tưởng về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Chủ nghĩa Mác, Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, đạo đức và truyền thống dân tộc, con người Việt Nam, sự thống

nhất của chính trị, tư tưởng và đạo đức, sự phát triển về trình độ văn hóa, xã hội là những bảo đảm về mặt tư tưởng cho việc thực hiện các quyền trẻ em có HCĐB.

2.5.1.4. Bảo đảm bằng kinh tế về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Với mục đích của chính sách kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển dân sinh, dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân.

2.5.1.5. Bảo đảm bằng văn hóa về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

2.5.1.6. Bảo đảm xã hội về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Bảo đảm xã hội được thể hiện thông qua các mối quan hệ, sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp, nhóm dân cư, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện nhằm bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB trong thực tiễn, đồng thời góp phần loại trừ những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này.

2.5.2. Các yếu tố tác động đến việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em có HCĐB

Yếu tố kinh tế-xã hội; Chủ trương, quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Phong tục tập quán.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương 2, NCS đã phân tích cơ sở lý luận của quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam, bao gồm những vấn đề cơ bản như: khái niệm trẻ em, trẻ em có HCĐB, phân loại quyền trẻ em, những nguyên tắc, phương thức và yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm các quyền trẻ em có HCĐB trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, NCS xác định nhiệm vụ cơ bản của luận án là nghiên cứu cơ sở lý luận của việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay; làm rõ những đặc điểm cơ bản pháp luật về trẻ em. Đặc biệt là phân tích rõ các yếu tố tác động, cùng các điều kiện bảo đảm quyền cho trẻ em ở nước ta hiện nay.

Trên cơ sở đề cập kinh nghiệm của một số quốc gia về bảo đảm quyền cho trẻ em có HCĐB, NCS đã trình bày những gợi ý tham khảo cho công tác bảo đảm quyền cho trẻ em có HCĐB ở nước ta, những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu trong luận án.

CHƯƠNG 3**THỰC TRẠNG VỀ QUYỀN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY****3.1. Thực trạng tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay**

Số trẻ em có HCĐB trong phạm vi cả nước tính đến cuối năm 2014 là 1,5 triệu em chiếm khoảng 1,7% dân số và khoảng 5% dân số trong độ tuổi trẻ em, bao gồm 10 nhóm đối tượng theo Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em. Trong số 10 nhóm trẻ em có HCĐB đó thì sự biến động về số lượng trẻ em ở mỗi nhóm trong mỗi năm là khác nhau, trong đó, trẻ nhiễm HIV/AIDS, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em nghiện ma túy có xu hướng gia tăng còn trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em lang thang, trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại có xu hướng giảm [8, tr.12].

3.2. Thực trạng qui định của pháp luật quốc tế về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Cho đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn và gia nhập nhiều điều ước quốc tế về quyền trẻ em do Liên Hợp Quốc ban hành và đã đạt được nhiều thành tựu trong việc thực hiện nhiều điều ước, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên, việc phổ biến các điều ước và các văn kiện quốc tế khác về quyền trẻ em ở nước ta đến nay còn có phần hạn chế do nhiều lý do.

3.3. Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay.**3.3.1. Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt****3.3.1.1. Thực trạng qui định của pháp luật về quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

Quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em có HCĐB được qui định trong Bộ luật Dân sự, Luật Quốc tịch và nhiều văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn khác... Ngoài ra, pháp luật còn qui định trách nhiệm của các chủ thể trong việc bảo đảm quyền được khai sinh và có quốc tịch của các em và các chế tài xử lý khi có hành vi vi phạm quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em có HCĐB.

3.3.1.2. Thực trạng việc thực hiện pháp luật về quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Tình hình đăng ký khai sinh trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng ở Việt Nam có những cải thiện và thành công rất đáng khích lệ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ

lãnh đạo, gia đình và cộng đồng có chuyển biến trong nhận thức, sự quan tâm và hành động trong việc thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em và trẻ em có HCĐB.

3.3.2. Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

3.3.2.1. Thực trạng qui định pháp luật về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014... Như vậy, trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần với phương châm vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Bên cạnh quyền chăm sóc, nuôi dưỡng thì quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em cũng được pháp luật nước ta qui định một cách rõ ràng, chi tiết. Song giữa quyền được sống chung với cha mẹ và quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em có mối quan hệ mật thiết với nhau.

3.3.2.2. Thực trạng việc thực hiện pháp luật về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Hiện nay vẫn còn tồn tại những con số đáng buồn và đáng báo động về tình hình trẻ em có HCĐB phải sống trong các môi trường chăm sóc thay thế. Và việc chăm sóc thay thế hiện nay ở Việt Nam vẫn còn một số khó khăn do pháp luật về chăm sóc thay thế chưa cụ thể. Các quy định về quy trình nhận nuôi, điều kiện để trẻ tiếp nhận hình thức chăm sóc thay thế tại gia đình còn thiếu. Đặc biệt, việc giám sát quá trình chăm sóc thay thế còn “bỏ ngỏ”.

3.3.3. Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

3.3.3.1. Thực trạng qui định của pháp luật về quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của trẻ em được thể hiện trong các văn bản qui phạm pháp luật khác nhau như: Luật Hình sự, Luật Hành chính... Trong đó, Luật Hình sự là một trong những ngành luật ghi nhận và bảo vệ rất chặt chẽ quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của trẻ em.

3.3.3.2. Thực trạng việc thực hiện pháp luật về quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của trẻ em ckhỏeàn cảnh đặc biệt

Mặc dù pháp luật Việt Nam qui định một cách đầy đủ quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự khỏetrẻ em và đặt ra trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm quyền của các em, có thể là trách nhiệm hành chính hoặc hình sự. Song trong những năm gần đây tình trạng vi phạm về quyền này của các em ngày một phổ biến, phức tạp và có xu hướng gia tăng.

3.3.4. Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

3.3.4.1. Thực trạng qui định pháp luật về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em có HCĐB được qui định dựa trên cơ sở của đạo luật gốc là Hiến pháp, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Luật Chăm sóc Sức khỏe nhân dân. Cho đến nay, các qui định về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em có HCĐB đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tế.

3.3.4.2. Thực trạng việc thực hiện pháp luật về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Thực hiện qui định về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em có HCĐB, Nhà nước đã cấp Thẻ khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập cho trẻ em dưới sáu tuổi. Đồng thời, Nhà nước có chính sách miễn, giảm viện phí, chính sách khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền đối với trẻ em thuộc diện chính sách xã hội, trẻ em của các gia đình nghèo.

3.3.5. Thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền được học tập của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

3.3.5.1. Thực trạng qui định của pháp luật về quyền được học tập của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Từ nguyên tắc hiến định về quyền học tập của công dân nói chung và của trẻ em nói riêng, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 tiếp tục ghi nhận quyền học tập của trẻ em, tiếp đến là Luật Giáo dục năm 2005 cũng qui định rõ về vấn đề này. Nhà nước ta đã rất cố gắng để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Tất cả trẻ em kể cả những nhóm thiệt thòi nhất đều có thể tiếp cận với giáo dục cả trên phương diện pháp lý và thực tiễn mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử dựa trên bất kỳ yếu tố nào.

3.2.5.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về quyền được học tập của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Những thành tựu: về số lượng các trường học đều tăng hàng năm, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học ngày càng được quan tâm đầu tư, đội ngũ cán bộ, giáo viên thường xuyên được nâng cao trình độ chuyên môn và cơ chế, chính sách tiền lương, chế độ làm việc...; về nhận thức quyền học tập của trẻ em và trẻ em có HCĐB, bản thân các em, gia đình, cộng đồng và xã hội đã có những nhận biết về vấn đề này nhằm nâng cao trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm thực hiện quyền học tập, học tập hòa nhập của trẻ em và trẻ em có HCĐB.

Những hạn chế, bất cập: hệ thống pháp luật liên quan đến các quyền học tập của trẻ em có HCĐB nhiều nhưng lại có rất ít văn bản qui định đầy đủ và đồng bộ các vấn đề liên quan đến quyền học tập của trẻ em. Các qui định của pháp luật nếu có cũng chỉ mang tính nguyên tắc, định hướng chung thiếu cụ thể; nhà trường không đáp ứng được điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thiếu về số lượng, kém chất lượng, đặc biệt là cơ sở vật chất cho giáo dục trẻ khuyết tật...

3.4. Đánh giá thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

3.4.1. Những kết quả đạt được trong việc qui định và thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

3.4.1.1. Về hệ thống pháp luật qui định các quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

Ngay sau khi Việt Nam phê chuẩn Công ước về Quyền trẻ em, Quốc hội Việt Nam đã ban hành luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 1991 (được sửa đổi và bổ sung năm 2004) luật này đã thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các vấn đề liên quan đến trẻ em, trẻ em có HCĐB đồng thời chuyển hóa các qui định của Công ước vào lĩnh vực pháp luật Việt Nam.

3.4.1.2. Việc thực hiện các qui định của pháp luật về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, về hệ thống các thiết chế bảo đảm thực hiện quyền trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng, bên cạnh pháp luật, một hệ thống các thiết chế được hình thành để huy động các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các cá nhân vào việc thực hiện và bảo vệ quyền của các em.

Thứ hai, về thực hiện các quyền trẻ em có HCĐB đã tiến hành thực hiện một cách đầy đủ và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất trong việc bảo đảm quyền của các

em, các cơ quan, tổ chức có nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức xã hội về quyền và lợi ích của trẻ em có HCĐB.

3.4.2. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân của việc qui định và thực hiện pháp luật về quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

Nhiều chính sách, chương trình chưa đáp ứng được nhu cầu cụ thể của trẻ em có HCĐB hoặc chưa mang lại những kết quả tốt nhất có thể cho tất cả các em, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền vẫn còn hạn chế. Đồng thời các cơ quan chức năng thực hiện pháp luật cũng chưa thật tốt và đầy đủ, chưa có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành để thực hiện theo pháp luật; Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các nội dung của pháp luật về quyền trẻ em có HCĐB tới người dân, gia đình nói riêng và cộng đồng chưa hiệu quả; Đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em chưa được đào tạo cơ bản, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế; Hệ thống dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em có HCĐB chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của các em, thậm chí, Việt Nam chưa có hệ thống bảo vệ trẻ em, trẻ em có HCĐB một cách toàn diện cũng như chưa có các dịch vụ bảo vệ các em chuyên nghiệp; Quan hệ hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em có HCĐB chưa thực sự được chú trọng, cơ chế chính sách và các thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thu hút được sự quan tâm, đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài hay tổ chức phi chính phủ tham gia mạng lưới bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Nội dung chương này, NCS đã phân tích thực trạng trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay và những qui định của pháp luật cùng với việc triển khai thực hiện các qui định về quyền trẻ em có HCĐB trên thực tế trong những năm gần đây. Từ đó chỉ ra những ưu điểm và hạn chế, nêu ra những nguyên nhân chủ yếu của thực trạng qui định và thực hiện pháp luật về quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB.

NCS đã tập trung đánh giá thực trạng việc thực hiện quyền trẻ em dưới góc độ vai trò của gia đình, nhà trường và các chủ thể khác, ưu điểm và hạn chế, bất cập của nó so với yêu cầu của việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

Trong chương này, NCS đã đề cập nhiều tư liệu về công tác khảo sát, thăm dò về việc bảo đảm các quyền trẻ em có HCĐB ở các lĩnh vực khác nhau. Việc đánh giá toàn diện thực trạng bảo đảm các quyền trẻ em sẽ là cơ sở thực tiễn để thực hiện việc đề xuất quan điểm, giải pháp cùng với cơ sở lý luận về quyền trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Quan điểm bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm cho trẻ em có HCĐB được phát triển toàn diện.

Thứ ba, bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB nhằm giáo dục về quyền trẻ em và phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến quyền trẻ em.

Thứ tư, bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta.

Thứ năm, bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB cần phải đạt đến độ tương thích với bảo đảm quyền con người và quyền trẻ em quốc tế

4.2. Giải pháp bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về quyền trẻ em có HCĐB

4.2.1.1. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền trẻ em có HCĐB

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền trẻ em có HCĐB chính là nâng cao nhận thức của Nhà nước, của các cơ quan bảo vệ quyền trẻ em hay các tổ chức, thiết chế xã hội ở chính môi trường sống của trẻ (gia đình, làng xóm, thôn bản, nhà trường) và các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp...

4.2.1.2. Nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước ở địa phương về quyền trẻ em có HCĐB

Cơ quan nhà nước ở địa phương phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có thể kể đến đó là hệ thống các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ở địa phương (Ủy ban nhân dân các cấp, sở, phòng, ban).

4.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền trẻ em có HCĐB

Hoạt động này nhằm phát hiện những nội dung văn bản pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB cần phải đồng bộ và được tổ chức thực hiện nghiêm túc.

4.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực thực thi, giám sát chính sách về quyền trẻ em có HCĐB

4.2.3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em có HCĐB.

4.2.3.2. Tăng cường vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

Đó là việc Nhà nước phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em có HCĐB như: ngành Tư pháp, ngành Giáo dục, ngành Y tế, các cơ quan bảo vệ pháp luật (cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án). Đặc biệt đối với cơ quan Quốc hội và Ủy ban nhân dân các cấp...

4.2.3.3. Tăng cường sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB

Kết hợp giáo dục gia đình, nhà trường đối với trẻ em và trẻ em có HCĐB cần được duy trì thường xuyên. Bởi hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục cho trẻ em và trẻ em có HCĐB chỉ thực sự có hiệu quả thiết thực khi có sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường.

4.2.3.4. Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hành động quốc gia vì trẻ em có HCĐB

Các chương trình hành động quốc gia vì trẻ em và trẻ em có HCĐB ở Việt Nam cần tập trung vào các hoạt động chủ yếu đó là: Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông vận động chính sách, vận động xã hội và chuyển đổi hành vi thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu vì trẻ em.

4.2.4. Nhóm giải pháp xã hội hóa công tác bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội. Khuyến khích sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động và công trình dành cho trẻ em”.

4.2.5. Nhóm giải pháp về tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB.

Mở rộng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB được thể hiện thông qua các quan hệ của nhà nước ta với các tổ chức quốc tế, bao gồm các tổ chức đa phương, song phương và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trên cả ba lĩnh vực kỹ thuật, kinh nghiệm và tài chính để trợ giúp trẻ em có HCĐB.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 4

Trong chương này, NCS đã trình bày một cách có hệ thống các giải pháp cơ bản về đổi mới, nâng cao hiệu quả việc bảo đảm các quyền của trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay. NCS đã phân tích, đề xuất các nhóm giải pháp chủ yếu bảo đảm hiệu quả cho việc bảo đảm các quyền của trẻ em và trẻ em có HCĐB, bao gồm: các giải pháp liên quan đến vấn đề nhận thức của các chủ thể khác nhau về quyền trẻ em có HCĐB; các giải pháp mang tính chất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền trẻ em có HCĐB; các giải pháp về việc phát huy vai trò của nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội và các thiết chế xã hội trong việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB; các giải pháp về mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, cá tổ chức phi chính phủ cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB...

KẾT LUẬN

Quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay là một vấn đề thời sự chính trị, việc bảo đảm các quyền trẻ em có HCĐB đã được Nhà nước ta triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức và với sự ràng buộc trách nhiệm của nhiều chủ thể khác nhau nhằm góp phần quan trọng trong việc bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy các quyền trẻ em nói chung và trẻ em có HCĐB nói riêng. Qua thực trạng đánh giá các biện pháp bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay, vấn đề cấp thiết đặt ra là phải đổi mới hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các thiết chế xã hội cả về nhận thức, về nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện, bảo đảm các quyền trẻ em và trẻ em có HCĐB.

Trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu về đề tài quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay, tác giả xác định nhiệm vụ cơ bản của luận án là nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay; làm rõ những đặc điểm cơ bản trong việc bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng và vì sự phát triển toàn diện của trẻ em, trẻ em có HCĐB ở nước ta hiện nay.

Luận án đã phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài. Từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá chung và nêu những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu đối với luận án của tác giả. Luận án đã phân tích một cách có hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản về quyền trẻ em có HCĐB, làm rõ nội dung của các quyền và trách nhiệm của các chủ thể khác nhau trong việc bảo đảm quyền của các em.

Phân tích và làm sáng tỏ các khái niệm công cụ và phân loại các nhóm quyền trẻ em theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, từ đó thấy rằng quyền trẻ em ở Việt Nam đã hầu hết được phủ kín trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, ngoài ra, tác giả còn chỉ ra các yếu tố tác động đến việc bảo đảm quyền trẻ em có HCĐB ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

Phân tích, đánh giá thực trạng về những quy định của pháp luật và thực tiễn triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về một số quyền đối với một số nhóm trẻ em có HCĐB.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất các quan điểm, giải pháp về bảo đảm quyền cho trẻ em có HCĐB ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất đổi mới về nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể khác nhau trong xã hội và sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trong việc bảo đảm các quyền trẻ em có HCĐB.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Văn Lê (Chủ biên và nhóm tác giả) (2012), *Giáo trình Công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có nhu cầu hòa nhập học đường*, NXB Lao động Xã hội.
2. Tăng Thị Thu Trang (2012), "Bài viết Pháp luật về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam", *Tạp chí Pháp lý*, (8), tr.43-44.
3. Tăng Thị Thu Trang (Chủ biên và nhóm tác giả) (2013), *Giáo trình Công tác xã hội trong giáo dục mầm non và tiểu học*, NXB Lao động Xã hội.
4. Tăng Thị Thu Trang (2013), Bài viết Hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới góc nhìn ngành công tác xã hội - Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “*Nâng cao tính chuyên nghiệp công tác xã hội vì phát triển và hội nhập*” theo Quyết định xuất bản số 1213/QĐ-Đại học Sư phạm ngày 5 tháng 11 năm 2013.
5. Tăng Thị Thu Trang (Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở) (2013), *Quyền học tập của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội*, nghiệm thu tháng 12/2013.
6. Tăng Thị Thu Trang (Chủ biên và nhóm tác giả) (2014), *Giáo trình phát triển cộng đồng*, NXB Giáo dục.
7. Tăng Thị Thu Trang (4/2015), "Mạng lưới dịch vụ Công tác xã hội trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em", *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*. Số đặc biệt, tr. 162-165.
8. Tăng Thị Thu Trang (2015), "Quyền trẻ em dưới góc độ pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam", *Tạp chí Thanh tra*, (8), tr.56-58.
9. Tăng Thị Thu Trang (2015), "Pháp luật về Quyền học tập của trẻ em khuyết tật", *Tạp chí Thanh tra*, (9), tr.30-32.
10. Tăng Thị Thu Trang (2015), *Trẻ em bị xâm hại và vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ em bị xâm hại tình dục* - Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “*Công tác xã hội Việt Nam, thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển*” theo Quyết định xuất bản số 1268/QĐ-NXBLĐ ngày 6 tháng 11 năm 2015, tr.459-466
11. Tăng Thị Thu Trang (2015), "Vai trò của Gia đình trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em", *Tập san Trường CĐSPTW* (2), tr.74-80.